

Số: /2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ thêm cho
đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí và xã hội;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra sốBC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hỗ trợ tiền ăn các ngày Lễ, Tết trong năm cho đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội tại cộng đồng

- Đối tượng: Bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưu trí xã hội quy định tại Điều 2 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí và xã hội, thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Mức hỗ trợ: Ngoài mức trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng và tiếp tục được hưởng mức hỗ trợ nêu trên trong thời gian 36 tháng kể từ khi cơ quan có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

b) Hỗ trợ thêm tiền ăn các ngày Lễ, Tết trong năm cho đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

- Mức hỗ trợ: 90.000 đồng/người/ngày.

- Số ngày hỗ trợ: 11 ngày Lễ, Tết trong năm theo quy định cho các đối tượng có mặt thực tế tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội. Riêng trẻ em dưới 16 tuổi được hỗ trợ 13 ngày (thêm 01 ngày Tết trung thu và 01 ngày Quốc tế thiếu nhi)

c) Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội

và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Khi các văn bản quy định về chính sách hỗ trợ viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đăng tải công báo điện tử cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH